

Ngân hàng thương mại sẵn sàng cho vay vốn hỗ trợ lãi suất kích cầu- doanh nghiệp thiếu vốn vẫn cần có chính sách đồng bộ

PGS.TS. Nguyễn Đức Hưng

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong hơn một năm qua, kinh tế thế giới cũng như trong nước diễn biến hết sức phức tạp, có những thay đổi lớn, đột ngột và bất ngờ. Chính phủ, Ngân hàng Trung ương các nước đang từ chỗ phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát cao, đã nhanh chóng phải chuyển kịp thời sang thực hiện nới lỏng tiền tệ, ngăn chặn suy giảm kinh tế bởi khủng hoảng tài chính đang có xu hướng lan ra toàn cầu. Tại Việt Nam, điều hành chính sách tiền tệ cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó, Ngân hàng Nhà nước đã có những phản ứng linh hoạt phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô. Nếu như trong 8 tháng đầu năm 2008, Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng Trung ương) thường xuyên phải tăng các loại lãi suất chủ đạo, tăng dự trữ bắt buộc, ... thì từ những tháng cuối năm 2008 đến nay, việc điều hành đã và đang diễn ra ngược lại. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp nói riêng, các chủ thể trong nền kinh tế nói chung là các đối tượng bị tác động nhiều nhất.

Các doanh nghiệp, nói rộng ra có thể bao gồm cả các trang trại, hộ kinh doanh, hộ gia đình là đối tượng vay vốn lớn nhất, đông đảo nhất của các Tổ chức tín dụng ở nước ta hiện nay. Đây cũng là đối tượng đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm và nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, các Tổ chức tín dụng tài trợ vốn cho doanh nghiệp, bao gồm các Ngân hàng thương mại trong nước, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng liên doanh, Công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, ... cũng là những tổ chức triển khai thực hiện chính sách tiền tệ và đương nhiên cũng bị ảnh hưởng rất lớn của việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước cũng như các chính sách, quy định khác có liên quan của Nhà nước, đặc biệt là trong hoạt động tín dụng đối với các doanh nghiệp.

Gải pháp "nới lỏng" chính sách tiền tệ và kích cầu nền kinh tế

Cho đến nay, các tài liệu Chính thức của cơ quan quản lý nhà nước không nhắc đến cụm từ nới lỏng chính sách tiền tệ. Một số tài liệu trong nước cũng như quốc tế thì nói rằng thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng. Nhưng khi nhìn vào các quyết định, các biện pháp được đưa ra trong điều hành về liên tục cắt giảm lãi suất chủ đạo, trong đó có lãi suất cơ bản, cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, ... về góc độ nghiên cứu, cũng như thông lệ thì rõ ràng là nới lỏng chính sách tiền tệ. Nới lỏng được đề cập ở đây không có nghĩa là "lỏng lẻo", thả lỏng hay nới lỏng trong quản lý cho vay, mà là giảm lãi suất, giảm chi phí và tạo điều kiện cho NHTM mở rộng tín dụng có hiệu quả đối với nền kinh tế.

Thực ra các quyết định theo hướng mở rộng hay "nới lỏng" chính sách tiền tệ được đưa ra từ cuối tháng 11-2008 và tính đến đầu tháng 2-2009, tức chỉ trong



khoảng thời gian hơn 2 tháng, Ngân hàng Nhà nước đã có 4 Quyết định theo hướng này. Các loại lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được điều chỉnh giảm mạnh. Riêng lãi suất cơ bản từ mức 12%/năm đầu tháng 11-2008 đến đầu tháng 2-2009 đã giảm xuống còn 7%/năm, giảm mạnh so với mức đỉnh vào 14%/năm thời điểm

tháng 6-2008. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cũng giảm từ trên 10%/năm xuống còn 5%... Gần đây nhất là ngày 23-1-2009, Thống đốc NHNN tiếp tục ban hành một loạt Quyết định theo hướng nới lỏng chính sách tiền tệ, thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng bền vững, đảm bảo an sinh

xã hội... theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP, ngày 11-12-2008 của Chính phủ. Các quyết định này có hiệu lực thi hành từ 01-02-2009. Theo đó bên cạnh lãi suất cơ bản giảm xuống 7%/năm, thì lãi suất tái cấp vốn giảm xuống còn 8%/năm và lãi suất tái chiết khấu giảm còn 6%/năm. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán bù trừ giảm xuống còn 8%/năm. Lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN giảm từ 8,5%/năm xuống còn 3,6%/năm.

Ngày 23-2-2009, NHNN quyết định tiếp tục cắt giảm sâu hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Có hiệu lực thực hiện từ tháng 3-2009. Theo đó tiền gửi VND dưới 12 tháng của các TCTD đô thị giảm còn 3% so với 5% trước đó; của các TCTD hoạt động trên địa bàn nông thôn giảm còn 1%; tiền gửi từ 12 tháng trở lên là 1%. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tiền gửi ngoại tệ dưới 12 tháng là 7% đối với TCTD đô thị và 6% đối với TCTD nông thôn; tiền gửi từ 12 tháng trở lên của các TCTD đô thị là 3% và TCTD nông thôn là 2%. Việc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc bên cạnh việc tạo điều kiện cho các NHTM mở rộng tín dụng cho nền kinh tế, với nguồn vốn có thể cho vay tăng thêm từ 10.000–12.000 tỷ đồng, thì còn tạo điều kiện cho các NHTM giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp, đối với khách hàng nói chung.

Cùng với việc thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng hay "nới lỏng", về cơ chế, thực hiện các giải pháp kích cầu do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 131, ngày 23-01-2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất được hỗ trợ là 4%/năm, với thời hạn tối đa là 8 tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01-02-2009. Dự kiến, Ngân sách Nhà nước sẽ chi ra khoảng 17.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 1 tỷ USD cho giải pháp kích cầu này.

Tác động của nới lỏng chính sách tiền tệ và giải pháp kích cầu đầu tư

Sau các quyết định nói trên, lãi suất huy động vốn và lãi suất cho

vay đến nay đã giảm thấp hơn các mức trước khi thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiểm chế lạm phát. Không những vậy, đây là mức lãi suất thấp nhất trong hoạt động ngân hàng trong hàng chục năm qua ở nước ta. Lãi suất huy động vốn Đồng Việt Nam của các NHTM giảm xuống còn 7–8%/năm; huy động vốn USD còn 4–4,5%/năm; lãi suất cho vay Đồng Việt Nam tối đa chỉ còn 10,5%/năm; lãi suất cho vay USD còn 4,5–5,5%/năm, thậm chí còn thấp hơn. NHTM CP Á Châu-ACB đưa ra mức lãi suất cho vay nội tệ sau hỗ trợ lãi suất chỉ còn 1,2%/năm, tất nhiên với điều kiện là áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện đảm bảo bằng khoản phải thu từ bộ chứng từ hàng xuất khẩu; tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng lãi suất cũng chỉ có 2%/năm. NHTM CP Kỹ Thương cũng đưa ra mức lãi suất hấp dẫn tương tự, 2% đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Riêng cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì thực hiện lãi suất thỏa thuận, có thể cao hơn giới hạn tối đa nói trên, nhưng nhìn chung các NHTM vẫn duy trì mức lãi suất không quá 10,5%/năm vì chính sách khách hàng.

Về mặt dự báo hiệu quả của giải pháp nói trên, với tính toán dựa trên Quyết định 131 của Chính phủ thì mỗi tháng ngân sách nhà nước chi ra khoảng 2.125 tỷ đồng hỗ trợ lãi suất, với mức lãi suất 0,334%/tháng được hỗ trợ, tương ứng với 636.200 tỷ đồng dư nợ bình quân mỗi tháng kéo dài trong 8 tháng của khách hàng vay vốn được thụ hưởng từ khoản tiền kích cầu này của Chính phủ. Số dư nợ đó ước tính chiếm khoảng 50% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế hiện nay của hệ thống ngân hàng. Như vậy nếu số tiền trên của ngân sách nhà nước được chi ra đầy đủ và đương nhiên hệ thống ngân hàng đạt mức dư nợ đó thì thực sự là có ý nghĩa rất lớn đối với nền kinh tế về mặt duy trì tăng trưởng cũng như ý nghĩa về mặt tạo công ăn việc làm, ngăn chặn nguy cơ thất nghiệp, thiếu việc làm,... trong cả nước.

Với hai giải pháp nói trên, lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại đối với doanh nghiệp nói riêng và khách hàng nói chung thực tế tối đa chỉ còn 6,5%/năm, tương đương 0,54%/tháng. Có thể nói mức lãi suất này thấp ngang bằng lãi suất trên thị trường quốc tế của một số đồng tiền và chỉ tương đương lãi suất cho vay vốn USD ở nước ta. Tuy nhiên trong thực tế nhiều NHTM công bố lãi suất cho vay thấp hơn giới hạn nói trên, chỉ khoảng 4%/năm, thậm chí lãi suất cho vay USD chỉ còn 1,5–2%/năm.

Hai giải pháp nói trên về chính sách tiền tệ được kết hợp chặt chẽ với chính sách tài chính quốc gia, thông qua 4 nhóm giải pháp cụ thể sau đây:

Một là ngay từ đầu tháng 2-2009, ngành thuế tập trung xử lý việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV/2008 và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009, giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hai là giảm 50% thuế giá trị gia tăng cho 19 nhóm mặt hàng, dịch vụ.

Ba là, hỗ trợ lương thực, giống cây trồng, vật nuôi, chi phí sửa chữa nhà ở, phòng trừ dịch bệnh, bảo đảm không để tình trạng người dân bị đói và nhanh chóng khôi phục sản xuất sau lũ lụt.

Bốn là tăng thêm dự trữ quốc gia về lương thực, thực hiện các chương trình giảm nghèo. Bố trí đủ vốn cho chương trình tín dụng đối với hộ nghèo; học sinh và sinh viên vay vốn học tập; cũng như chương trình tín dụng cho các đối tượng chính sách xã hội khác.

Bên cạnh đó còn có một số chính sách khác đã được đưa ra, như: Chính phủ đã quyết định sử dụng nguồn Ngân sách Trung ương hỗ trợ tiền cho hộ gia đình nghèo ăn Tết Nguyên đán Kỷ Sửu. Ngân sách nhà nước cho vay với lãi suất 0% hỗ trợ người lao động mất việc làm do suy giảm kinh tế. Chính phủ quyết định tăng nguồn vốn cấp cho

Ngân hàng chính sách xã hội để tăng cường cho vay theo các chương trình khác nhau. Một giải pháp quan trọng được Chính phủ đề ra trong việc kích cầu, ngăn chặn suy giảm kinh tế tại Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg, ngày 24/01/2009, đó là giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn NHTM. Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội đã công bố những chương hỗ trợ cụ thể của mình tùy thuộc vào điều kiện của ngân sách địa phương.

Mục đích của chính sách tài chính cũng là giảm chi phí, tăng thêm nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp, kích thích tiêu dùng và đầu tư, với kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến tăng trưởng kinh tế. Đồng thời tăng cường bảo đảm an sinh xã hội.

Điều hành chính sách tiền tệ, điều hành chính sách tài chính và giải pháp kích cầu nói trên của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước, của Bộ Tài chính là phù hợp với xu hướng chung của thế giới để nhằm chống suy giảm kinh tế do tác động của khủng hoảng tài chính. Chính sách tiền tệ và chính sách tài chính được tiến hành đồng thời, phối hợp chặt chẽ với nhau. Nhưng hiệu quả của các giải pháp trên còn tùy thuộc vào sự hấp thụ vốn của doanh nghiệp và sự triển khai của các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan trong thực tế.

Trong triển khai các giải pháp kích cầu hiện nay có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, giữa ngành tài chính và ngành ngân hàng.

Một số ý kiến khác có thể cho rằng, khó khăn của doanh nghiệp có thể kéo dài đến hết năm 2009 và đầu năm 2010, chứ không chỉ nằm trong 8 tháng. Song nguồn tài chính chi 17.000 tỷ đồng, tương đương 1 tỷ USD để hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đương nhiên là từ ngân sách nhà nước. Tất nhiên trước mắt hàng tháng Ngân hàng Nhà nước tạm ứng 80% số lãi suất hỗ trợ để chi trả trực tiếp cho NHTM, sau đó làm

các thủ tục quyết toán với Bộ Tài chính, nhưng nguồn gốc rõ ràng là từ ngân sách nhà nước. Số tiền này cộng với số giảm thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng chi cho một số lĩnh vực an sinh xã hội khác là con số khá lớn trong điều kiện cân đối ngân sách của nước ta hiện nay.

Một lo ngại nữa là trong vòng 8 tháng từ nay đến cuối năm 2009 có đưa được đủ số vốn rất lớn nói trên cho các doanh nghiệp, hộ gia đình vay; đồng thời đảm bảo đúng đối tượng là hoàn toàn không dễ dàng. Điều này còn được xét trong bối cảnh khó khăn với sức hấp thụ vốn của nền kinh tế hiện nay.

Phải thừa nhận một thực tế là, từ bài học của cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay dưới chuẩn mua nhà ở tại Mỹ đã dẫn đến khủng hoảng tài chính toàn cầu, nên các NHTM ở Việt Nam hiện nay cũng không dám cho vay dưới chuẩn, không coi nhẹ bất kỳ điều kiện vay vốn nào. Thậm chí là trong bối cảnh có nhiều tiềm ẩn rủi ro tín dụng hiện nay, nhiều NHTM thậm chí chặt chẽ hơn, xem xét kỹ lưỡng báo cáo tài chính, đặc biệt là báo cáo chu chuyển tiền tệ, lịch sử thanh toán, khả năng tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ, thu nhập tương lai... Do đó trong một khoảng thời gian không dài không phải tất cả các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đều có cơ hội tiếp cận khoản vay hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Mặc dù, hiện nay các NHTM đang cạnh tranh với nhau, tranh thủ và chủ động tìm kiếm khách hàng để cho vay trong khoảng thời gian được hỗ trợ lãi suất.

Những vấn đề đặt ra trong thực tiễn

Xét riêng trên góc độ chính sách tiền tệ, cơ chế hỗ trợ 4% lãi suất như trên đang nảy sinh một số vấn đề cần quan tâm sau đây.

Về mặt chính sách, Chính phủ chủ trương giới hạn đối tượng tổ chức tín dụng cung ứng vốn tín dụng được hỗ trợ 4%/năm chỉ áp dụng đối với các khoản cho vay của Ngân hàng thương mại, Quỹ tín dụng Trung ương, còn khách

hàng vay vốn các Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, Ngân hàng chính sách xã hội thì không được hưởng. Từ những vướng mắc đó, sau hơn 1 tháng triển khai, Thủ tướng Chính phủ quyết định số 333/QĐ-TTg, ngày 10-3-2009, bổ sung thêm đối tượng là Công ty tài chính cũng được cho vay hỗ trợ lãi suất theo chính sách nói trên, còn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thì không, nhưng theo chúng tôi Tổ chức tín dụng này cần được bổ sung thêm.

Nhưng trong thực tế hiện nay có số lượng khá doanh nghiệp, hộ gia đình vay vốn của các tổ chức tín dụng nói trên, bao gồm: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, nên họ sẽ chuyển sang vay vốn các NHTM để được hỗ trợ 4% lãi suất. Bởi vậy các TCTD này mất khách hàng, một bất lợi trong cạnh tranh cũng như hạn chế tính hiệu quả chính sách kích cầu của Chính phủ.

Đối với riêng hàng triệu hộ gia đình vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội chủ yếu là hộ nghèo, vay vốn cho con em đi học tập tại các trường đại học, cao đẳng; vay vốn đi xuất khẩu lao động; chương trình cho vay ưu đãi giải quyết việc làm,... thì lại tiếp tục phải chịu lãi suất vay vốn bình thường, cao hơn so với mức lãi suất tối đa của các đối tượng vay vốn của NHTM được hỗ trợ lãi suất theo chương trình kích cầu. Như vậy, chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ gia đình chính sách không còn ý nghĩa về mặt lãi suất phải trả.

Đặc biệt là hiện nay cũng đang có số lượng đông đảo hộ gia đình ở nông thôn đang vay vốn Quỹ tín dụng nhân dân họ không dễ dàng gì chuyển sang vay vốn tại NHTM, cho dù ngay cả là các chi nhánh NHNO&PTNT có mạng lưới rộng khắp trong cả nước; trong số này không ít là hộ đồng bào dân tộc. Còn nhớ lại cách đây vài năm, với chính sách miễn giảm lãi suất cho hộ dân vay vốn trồng cà phê ở Tây Nguyên, lúc đầu chỉ áp dụng đối với các NHTM, sau đó thấy bất hợp lý trong thực tế, chính sách này đã phải điều chỉnh áp dụng cả đối

với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Nếu các hộ gia đình chuyển mạnh sang vay vốn NHTM để được hưởng hỗ trợ lãi suất mà không vay vốn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, sẽ làm xáo trộn hoạt động, ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống gồm hơn 1.000 Quỹ tín dụng trong cả nước.

Cũng về mặt chính sách, chủ trương Chính phủ là giới hạn đối tượng được hỗ trợ lãi suất chỉ bao gồm các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân vay vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, tức trực tiếp tạo ra sản phẩm, trực tiếp góp phần tạo ra tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động. Còn các trường hợp cho vay tiêu dùng, vay đời sống, kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán, khai thác khoáng sản... thì không thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ lãi suất 4%/năm. Song một vấn đề khác cũng rất đáng quan tâm từ việc triển khai chính sách trong thực tế đó là đối với các hộ gia đình ở cả nông thôn và thành thị, vay vốn tiêu dùng sử dụng tiền vay để mua ô tô vận tải, mua xe máy, mua xe ô tô con... nhưng thực tế được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, vận tải vật tư, hàng hoá, chở khách,... hoặc khai thác đá, cát sỏi cho thi công xây dựng công trình giao thông, xây dựng nhà,... thì lại không được hỗ trợ lãi suất.

Một thực tế khác cũng phát sinh từ đối tượng vay vốn, đó là với số tiền nhận về, lúc đầu người vay sử dụng đúng mục đích, nhưng sau đó thu hồi được vốn về không trả nợ ngân hàng mà tiếp tục sử dụng cho mục đích khác không thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất, ngân hàng thương mại khó mà theo dõi sát được suốt thời gian sử dụng vốn của khách hàng, nhất là ở nông thôn với địa bàn rộng lớn và một căn bộ tín dụng phụ trách tới hơn 500 - 600, thậm chí hơn 1.000 hộ vay vốn. Hoặc là một món vay của hộ nông dân thường được sử dụng tổng hợp cho nhiều mục đích khác nhau, tỷ trọng lớn số vốn vay đầu tư đúng mục đích và một tỷ lệ khác thì sử dụng vào nhu cầu

tiêu dùng. Những trường hợp đó khi NHNN kiểm tra phát hiện, xử lý thì thật là phức tạp, khó khăn cho NHTM.

Trong số 13 khoản vay không được hỗ trợ lãi suất thì có khoản cho doanh nghiệp vay nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng. Những ví dụ như nhập khẩu đường ăn là mặt hàng tiêu dùng, nhưng được sử dụng cho sản xuất bánh kẹo thì đường lại là nguyên liệu sản xuất, vậy NHTM sẽ xử lý ra sao.

NHNN cũng có Thông tư số 04/2009/TT-NHNN, ngày 13-3-2009 sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2009/TT-NHNN, ngày 03-02-2009, quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên một số đối tượng vay vốn hỗ trợ lãi suất vẫn chưa được mở rộng.

Cũng ở nông thôn, hiện có trên 11 triệu hộ gia đình vay vốn các NHTM, nhưng có những khoản vay vài trăm nghìn đồng hay vài triệu đồng, lãi suất phải trả hàng tháng chỉ có vài chục nghìn đồng hay hơn 100.000 đồng, nhưng với rất nhiều thủ tục giấy tờ kể cả người vay và ngân hàng cho vay phải lập, vừa tốn kém thời gian, vừa tốn kém chi phí ẩn chỉ, giấy tờ, tăng thêm chi phí cho ngân hàng.

Những vấn đề trên đứng trên góc độ nghiệp vụ, cơ chế chính sách của ngân hàng, nếu không có hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ vướng mắc kịp thời thì rõ ràng ảnh hưởng đến hiệu quả của giải pháp lớn mà Đảng, Chính phủ đưa ra.

Về quan điểm và nhận thức cũng cần thấy rằng, chính sách kích cầu đầu tư thông qua hỗ trợ lãi suất đó của Nhà nước chỉ có tác dụng làm giảm chi phí vốn vay đầu tư cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, chứ không quyết định đến hiệu quả kinh doanh. Vấn đề quan trọng ở chỗ là thị trường tiêu thụ, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, là trình độ quản trị điều hành, tổ chức sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ của người sử dụng vốn. Đó cũng còn là khả năng tài chính và tính lành mạnh tài chính của doanh nghiệp. Vấn

đề quan tâm hàng đầu của NHTM đó là khoản cho vay có hiệu quả, thu hồi đủ cả gốc và lãi đúng hạn, chứ không phải là khoản hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Do đó trong hoạt động cho vay, NHTM vẫn tôn trọng đầy đủ các quy trình tín dụng, chấp hành các nguyên tắc tín dụng. Nếu như doanh nghiệp không có thị trường tiêu thụ, làm ăn thua lỗ, năng lực tài chính kém, nợ quá hạn ngân hàng và nhiều khoản nợ khác, thì đương nhiên là không được vay vốn NHTM và không được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất.

Về góc độ điều hành chính sách tiền tệ tác động đến các Ngân hàng thương mại, các loại lãi suất chủ đạo của Ngân hàng Nhà nước liên tục được điều chỉnh giảm nhanh, trong đó lãi suất cho vay đối với khách hàng cũng thường xuyên phải được điều chỉnh giảm thấp phù hợp với mức giảm của lãi suất cơ bản. Thực tế là vốn huy động kỳ trước với lãi suất cao của NHTM nhưng cho vay kỳ này với lãi suất thấp. Lãi suất cho vay bằng và thậm chí có thể còn cao hơn lãi suất huy động bình quân của kỳ trước sau khi đã trừ đi một số tỷ lệ dự trữ theo quy định. Như vậy, NHTM không có tích lũy trong hoạt động cho vay tại thời điểm này. Tuy nhiên về mặt nhận thức, các NHTM ít "lên tiếng kêu ca" về vấn đề này. Các NHTM cũng thấy rằng họ cần chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, với khách hàng trong bối cảnh khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới. Các NHTM cũng nhận thức, doanh nghiệp, khách hàng có tồn tại thì mình mới tồn tại, đồng thời trong bối cảnh cạnh tranh thu hút khách hàng tiềm năng hiện nay nên việc giảm nhanh và giảm thấp lãi suất là tất yếu không thể tránh khỏi. Đây cũng là thể hiện sự ủng hộ của các NHTM đối với chủ trương kích cầu của Chính phủ, ủng hộ việc điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước.

Giải pháp hoàn thiện chính sách tài chính- tiền tệ kích cầu đầu tư

Một là, cần áp dụng việc hỗ trợ

lãi suất cho tất cả các loại hình Tổ chức tín dụng cho vay vốn khách hàng, bao gồm cả Quỹ tín dụng nhân dân.

Hai là, tất cả các nhu cầu vay vốn ở nông thôn của hộ gia đình, hộ nông dân, kể cả vay tiêu dùng, cũng cần được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất 4%/năm. Tất nhiên là loại trừ khoản vay đầu tư chứng khoán, đầu tư bất động sản.

Ba là, cần có chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp mức độ cao hơn đối với các NHTM. Tạo điều kiện cho các NHTM có năng lực tài chính ổn định, cũng là tạo điều kiện phát triển hệ thống tài chính— tiền tệ vững mạnh, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững.

Bốn là, cần tăng cường kích cầu đầu tư đối với hộ nông dân, hộ gia đình ở nông thôn thông qua việc mở rộng tín dụng hộ sản xuất, tăng nguồn vốn cấp cho Ngân hàng chính sách xã hội để mở rộng cho vay gia đình chính sách. Bởi vì nhân khẩu nông thôn chiếm tới gần 80% dân số cả nước, nên kích cầu vào đối tượng này tạo sức mua rất lớn cho xã hội. Đồng thời tạo điều kiện mở rộng việc làm ở nông thôn, phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất các mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ cho xuất khẩu.

Năm là, tiêu dùng là lĩnh vực quan trọng trong kích cầu nền kinh tế, nhưng trong xu hướng giảm lãi suất, thì lãi suất cho vay tiêu dùng và khấu chi qua thẻ tín dụng lại được phép thực hiện theo lãi suất thỏa thuận, tức là không bị ràng buộc bởi giới hạn cho vay không quá 150% lãi suất cơ bản quy định trong Luật Dân sự. Do đó nhiều NHTM cho vay hai đối tượng này lên tới 13– 14%/năm, thậm chí lên tới 15%/năm. Với lãi suất đó hạn chế nhu cầu vay tiêu dùng, hạn chế việc kích thích tiêu dùng cá nhân. Vì vậy cần thực hiện thống nhất, nhất quán quy định về lãi suất trong luật Dân sự.

Sáu là, tập trung tháo gỡ sự trì trệ của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và các dự án khác. Nếu tháo gỡ kịp thời, chỉ đạo kiên quyết tiến độ thực hiện dự án, làm đồng bộ khâu giải phóng mặt bằng, sẽ cho

phép giải ngân một lượng lớn vốn đầu tư của cả ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác của chủ dự án, vốn tín dụng ngân hàng, ước tính lên tới hàng nghìn tỷ đồng, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng. Trong số đó có những dự án kéo dài tới vài năm, thậm chí trên 10 năm đến nay vẫn triển khai ì ạch do công tác giải phóng mặt bằng. Trên cơ sở đó tạo nhu cầu tiêu thụ khối lượng lớn vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho người lao động. Một vấn đề quan trọng khác là phát huy hiệu quả vốn đầu tư của dự án tại các giai đoạn trước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lưu thông hàng hoá.

Bảy là, giải pháp quan trọng được Chính phủ đề ra trong việc kích cầu, ngăn chặn suy giảm kinh tế đó là giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chính phủ giao cho Bộ Tài chính và NHNN hướng dẫn triển khai ngay trong tháng 12-2008. Nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy cần sớm có sự phối hợp đồng bộ trong vấn đề này.

Quyết định 67/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đến nay đã qua gần 10 năm thực hiện có nhiều điểm không còn phù hợp với thực tiễn nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung. Trong khi đó lĩnh vực nông nghiệp— nông thôn và hộ nông dân có vai trò rất quan trọng trong kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững hiện nay. Do đó chính sách này cũng cần sớm được chỉnh sửa, bổ sung.

Hiện nay các TCTD đang triển khai nhiều biện pháp để thực hiện chủ trương kích cầu lãi suất nói trên, nhiều doanh nghiệp có nhu cầu vay nhưng đang kêu ca rất khó vay. Tuy nhiên đối với các TCTD như đã nói ở trên thì có quan điểm rất nguyên tắc, đó là có thể hạ lãi suất cho vay nhưng không thể hạ thấp điều kiện vay vốn, có thể linh hoạt về tài sản thế chấp, về tài sản đảm bảo tiền vay, nhưng dứt khoát dự án vay vốn phải đảm bảo tính khả thi, tính

hiệu quả. Những doanh nghiệp không đủ tài sản thế chấp, nhưng hàng tồn đọng, không có thị trường tiêu thụ, phát sinh nợ quá hạn NHTM, kinh doanh thua lỗ... thì đương nhiên không thể vay vốn NHTM. Nhiều NHTM cũng cho rằng, đối với các doanh nghiệp loại này thì dù có cho vay với lãi suất bằng 0%, không cần tài sản thế chấp, thì mất vốn cho vay hay vốn bị nợ đọng “ dễ như chơi”.

Ngược lại, chính bản thân một số doanh nghiệp ở trong điều kiện kinh doanh nói trên, nhất là doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, hoặc doanh nghiệp chưa có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2009,... do lo ngại những khó khăn về thị trường nên mặc dù lãi suất cho vay ưu đãi nhưng cũng không dám tiếp cận vốn vay NHTM vì lo sợ sẽ mất vốn, thua lỗ, không trả được nợ ngân hàng.

Vì vậy vấn đề quan trọng là đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, cung cấp cho thị trường mặt hàng mới, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Khủng hoảng kinh tế đi liền với suy giảm nền kinh tế, thất nghiệp gia tăng, sức mua của người dân giảm sút, an sinh xã hội bị ảnh hưởng,... nên vấn đề đặt ra là phải có các chính sách, giải pháp để nhanh chóng phục hồi nền kinh tế và ổn định xã hội. Việt Nam cũng đang đưa ra và triển khai những chính sách phù hợp với thông lệ chung và có những giải pháp riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Hỗ trợ 4% lãi suất là một trong số chính sách riêng của Việt Nam cần được phối hợp đồng bộ với các chính sách khác thì mới có hiệu quả thực sự.

Tài liệu tham khảo:

- Các trang web: www.sbv.gov.vn; mof.gov.vn;
- Trang web của một số NHTM,...